

Bản án số: 77/2025/HS-PT

Ngày: 21 - 4 - 2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lưu Thị Thu Thủy**.

*Các Thẩm phán:* + Bà **Hoàng Thị Thơ**

+ Ông **Võ Thanh Bình**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Minh Thắm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà **Đỗ Thị Phương Thảo**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 53/2025/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Phan Anh K và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Phan Anh K, Đoàn Anh T, Nguyễn Lê Nhựt T1, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Minh K1 và Người đại diện theo pháp luật của các bị cáo Nguyễn Minh K1, Lê Thanh Q, Dương Chí D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang đối với bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

- *Các bị cáo có kháng cáo, có liên quan đến kháng nghị:*

**1. Phan Anh K**, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2004, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện G, Tiền Giang; căn cước công dân: 082204003728; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Minh K2, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1982; vợ và con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Đoàn Anh T**, sinh ngày 01 tháng 5 năm 2005, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện G, Tiền Giang; số căn cước công dân: 082205003809; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn H, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1979; vợ và con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Anh T:* Luật sư **Nguyễn Xuân Q1**, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. (có mặt).

**3. Trần Minh T4**, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2006, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện G, Tiền Giang; số căn cước công dân: 082206015871; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Minh H1, sinh năm 1980 và bà Nguyễn Thị Kim U, sinh năm 1984; vợ và con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Thay đổi biện pháp ngăn chặn sang biện pháp tạm giam từ ngày 03/4/2025.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**4. Dương Chí D**, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2007, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện G, Tiền Giang; Số căn cước công dân: 082207005718; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Chí N, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1978; vợ và con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Đại diện theo pháp luật:* Ông **Dương Chí N**, sinh năm 1974 (là cha ruột của bị cáo).

Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện G, Tiền Giang. (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Chí D:* Luật sư **Trần Văn T5** - Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. (có mặt).

**5. Dương Trương N1**, sinh ngày 25 tháng 4 năm 2004, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện G, Tiền Giang; số căn cước công dân: 082204014447; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Tấn S, sinh năm 1980 và bà Trương Thị Ngọc T6, sinh năm 1978; vợ và con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**6. Nguyễn Minh K1**, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2007, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện G, Tiền Giang; số căn cước công dân: 0822070008525; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T7, sinh năm 1980 (*Đã chết*) và bà Phạm Thị Hồng N2, sinh năm 1986; vợ và con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Đại diện theo pháp luật:* Bà **Phạm Thị Hồng N2**, sinh năm 1986, là mẹ ruột của bị cáo.

Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện G, Tiền Giang. (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh K1:* Bà **Nguyễn Thị Thanh T8**

- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. (có mặt).

**7. Tạ Nguyễn Tinh A**, sinh ngày 16 tháng 7 năm 2006, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện G, Tiền Giang; số căn cước công dân: 082206016422; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Đoàn Quốc T9, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1987; vợ và con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Tạ Nguyễn Tinh A:* Ông **Lê Thanh P**, thuộc công ty L3 và Cộng sự - chi nhánh L4.(có mặt).

**8. Nguyễn Lê Nhựt T1** (Tên gọi khác là P1), sinh ngày 29 tháng 7 năm 2000, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện G, Tiền Giang; số căn cước công dân: 082200006508; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đông N3, sinh năm 1965 (Đã chết) và bà Lê Thị G1, sinh năm 1972; vợ và con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**9. Nguyễn Minh T2**, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2007, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện G, Tiền Giang; số căn cước công dân: 0822070011672; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn H2, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1975; vợ và con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Đại diện theo pháp luật:* Bà **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1975, là mẹ ruột của bị cáo.

Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

**10. Lê Thanh Q**, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2007, tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện G, Tiền Giang; số căn cước công dân: 082207005262; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Thanh N4, sinh năm 1975; vợ và con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:*

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Dương Chí D:* Ông **Dương Chí N**, sinh năm 1974.

Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện G, Tiền Giang.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Minh K1:* Bà **Phạm Thị Hồng N2**, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Ấp G, xã T, huyện G, Tiền Giang.

+ *Đại diện theo pháp luật của bị cáo Lê Thanh Q:* Bà **Nguyễn Thị Thanh N4**, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện G, Tiền Giang.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 06 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, 04 người làm chứng nhưng không có kháng cáo; không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Trong dịp Tết Dương lịch năm 2024, Phan Anh K, Trần Minh T4, Dương Chí D, Tạ Nguyễn Tinh A, Đoàn Anh T, Nguyễn Lê Nhựt T1, Nguyễn Minh T2, Lê Thanh Q, Dương Trương N1, Nguyễn Minh K1 hẹn đi chơi cùng nhau trên địa bàn thành phố G. Các bị cáo trao đổi, rồi cùng thống nhất việc tìm mua pháo nổ để đốt rồi ném tại các địa điểm công cộng, nơi tập trung đông người, vị trí tuần tra của các lực lượng chức năng để tạo tiếng nổ lớn, gây sự chú ý, tạo niềm vui cho bản thân. T sử dụng điện thoại di động đặt mua pháo nổ được rao bán trên mạng xã hội; các bị cáo thống nhất vào dịp cuối tuần khi nhận được pháo thì sẽ tập hợp lại để đem pháo ra đốt rồi ném. Việc đốt, ném pháo nổ của các bị cáo diễn ra như sau:

*\* Lần thứ nhất:*

Vào ngày 06 tháng 01 năm 2024, các bị cáo gặp nhau tại nhà của N1, do lúc này vẫn chưa nhận được pháo đã đặt nên D liên hệ mua pháo của Nguyễn Hoài T10. N1 sử dụng xe mô tô hai bánh biển số 63B7-558.95 chở D đến nhà T10 để lấy 10 viên pháo nổ với số tiền 100.000 đồng; T10 tặng thêm 01 viên. Sau khi có được pháo nổ, D mang về đưa cả nhóm; các bị cáo chia thành từng cặp để đi chung một xe, cụ thể:

- Trần Minh T4 chở Phan Anh K bằng xe mô tô hai bánh biển số 63B7-675.34 nhãn hiệu “Wave Alpha” màu đen - bạc.

- Nguyễn Lê Nhựt T1 chở Nguyễn Minh T2 bằng xe mô tô hai bánh biển số 72G1-396.10 nhãn hiệu “Yamaha Exciter” màu đen - vàng.

- Đoàn Anh T chở Nguyễn Minh K1 bằng xe mô tô hai bánh biển số 59P1-469.79 nhãn hiệu “Yamaha Exciter” màu xanh - trắng.

- Dương Trương N1 chở Dương Chí D bằng xe mô tô hai bánh biển số 63B7-558.95 nhãn hiệu “Yamaha Sirius” màu đen.

- Tạ Nguyễn Tinh A chở bạn gái là Nguyễn Huỳnh Trà D1 bằng xe mô tô hai bánh không biển số, nhãn hiệu “Wave Alpha” màu xanh.

Các bị cáo di chuyển theo các tuyến đường trên địa bàn huyện G, thành phố G, huyện G rồi quay về lại huyện G. Trên đường di chuyển, việc đốt, ném pháo nổ diễn ra ở các địa điểm như sau:

- Tại khu vực phía trước Trường Tiểu học K3 thuộc xã K, huyện G: Kiệt đốt rồi ném 01 viên pháo;

- Tại khu vực giữa giao lộ - ngã ba xã T, huyện G: Kiệt đốt rồi ném 01 viên pháo;

- Tại khu vực phía trước một hội chợ được tổ chức ở gần Đ thuộc xã T, huyện G: Kiệt đốt rồi ném 01 viên pháo;

- Tại một địa điểm trên Huyện L hướng đi về thị trấn V, huyện G: Kiệt đốt rồi ném 01 viên pháo;

- Tại khu vực phía trước quán nước giải khát “U” trên đường H (Quốc lộ E) thuộc khu phố L, phường L, thành phố G: Kiệt đốt rồi ném 01 viên pháo;

- Tại khu vực phía trước Ủy ban nhân dân, Trạm Y tế phường L, thành phố G: Tuấn đốt rồi ném 01 viên pháo;

- Tại khu vực phía trước công Ủy ban nhân dân xã T, thành phố G: Kiệt đốt rồi ném 01 viên pháo;

- Tại khu vực gần quán nước giải khát không tên gần ngã ba Xã L ấp X, xã T, thành phố G: Kiệt đốt rồi ném 01 viên pháo;

- Tại khu vực gần nơi tổ chức hội chợ ở gần cầu X thuộc địa bàn xã T, huyện G: Kiệt đốt rồi ném 01 viên pháo;

- Tại khu vực phía trước công Ủy ban nhân dân xã T, huyện G: Kiệt đốt rồi ném 01 viên pháo;

- Tại khu vực cổng T thuộc ấp C, xã T, huyện G: Kiệt đốt rồi ném 01 viên pháo nhưng pháo bị lép không tạo tiếng nổ.

Sau khi đã đốt, ném hết 11 viên pháo, các bị cáo giải tán quay về nhà của mỗi người.

\* Lần thứ hai:

Đến ngày 07 tháng 01 năm 2024, Đoàn Anh T điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 59P1-469.79 đến ngã tư đường N và Quốc lộ E tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh để nhận 10 viên pháo mà T đã đặt trước đó từ một người tên thường gọi là “Q2” với số tiền 100.000 (một trăm nghìn) đồng. T mang pháo về đưa cho T2, T2 đưa cho K, K cất giữ pháo trong cốp xe mô tô biển số 63B7-675.34 của T4. Các bị cáo liên lạc hẹn gặp nhau tại Trung tâm tổ chức sự kiện của thành phố G vào tối cùng ngày. Việc di chuyển đến điểm hẹn như sau:

- Trần Minh T4 chở Phan Anh K bằng xe mô tô biển số 63B7-675.34;

- Đoàn Anh T chở Nguyễn Minh K1 bằng xe mô tô biển số 59P1-469.79;

- Dương Trương N1 chở Dương Chí D bằng xe mô tô biển số 63B7-558.95;

- Nguyễn Minh T2 chở theo bạn gái là Đặng Võ Thúy H4 (sinh ngày 31/12/2006, nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang);

- Tạ Nguyễn Tinh A điều khiển xe mô tô hai bánh không biển số đi một mình;

- Lê Thanh Q điều khiển xe mô tô biển số 63AF-013.46 đi một mình.

Việc đốt, ném pháo nổ diễn ra ở các địa điểm sau:

- Tại Trung tâm tổ chức sự kiện thành phố G:

+ Khi các bị cáo tập trung tại khu vực vách tường phía trong của Trung tâm tổ chức sự kiện, K đốt rồi ném 01 viên pháo vào phía vách tường gây tiếng nổ lớn.

Sau đó, cả nhóm cùng đi uống nước ở khu vực Công viên A, một lát sau các bị cáo điều khiển xe chạy ngược lại vào Trung tâm tổ chức sự kiện.

+ Tại khoảng trống ở giữa Trung tâm tổ chức sự kiện thành phố G: Kiệt đốt rồi ném 02 viên pháo.

+ Tại khu vực phía trước Nhà thi đấu đa năng: Kiệt đốt rồi ném 01 viên pháo.

Lúc này, Q về nhà cất xe rồi được Tinh A chở nhập lại vào nhóm; T2 chở H4 về nhà của H4 rồi T2 tự đi tiếp một mình. Khi nhóm các bị cáo đến khu vực B xe khách thành phố G thì gặp Nguyễn Lê Nhựt T1 điều khiển xe đi một mình. Cả nhóm cùng di chuyển về hướng thành phố M theo tuyến Quốc lộ E.

- Tại khu vực Quảng trường H thuộc xã Đ, thành phố M: Kiệt đốt rồi ném 02 viên pháo vào khu vực Quảng trường, khi đến vòng xoay của Quảng trường thì K đốt rồi ném tiếp 01 viên pháo nữa. Các bị cáo di chuyển về lại huyện C.

- Tại khu vực công viên phía dưới chân cầu C cũ thuộc thị trấn C, huyện C: Kiệt đốt rồi ném 01 viên pháo.

Trên đường quay về thành phố G, các bị cáo có sự thay đổi người đi chung: T chở D, N1 chở K1.

- Tại khu vực phía trước trụ sở Công an thành phố G tọa lạc tại khu phố L, phường L, thành phố G: Ninh đốt rồi ném 01 viên pháo.

- Tại khu vực ngã ba phía trước Chợ G2 (Chợ cũ) thuộc Phường A, thành phố G: Kiệt đốt rồi ném 01 viên pháo.

Sau khi đã đốt, ném hết 10 viên pháo, các bị cáo giải tán quay về nhà của mỗi người.

Cáo trạng số 48/CT-VKSGC ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang truy tố các bị cáo về tội: “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự;

Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Phan Anh K, Đoàn Anh T, Trần Minh T4, Dương Chí D, Dương Trương N1, Nguyễn Minh K1, Tạ Nguyễn Tinh A,

Nguyễn Lê Nhựt T1, Nguyễn Minh T2, Lê Thanh Q phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

## 2. Về hình phạt:

*Căn cứ khoản 1 Điều 318; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.*

+ Xử phạt bị cáo: Phan Anh K 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo: Đoàn Anh T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo: Nguyễn Lê Nhựt T1 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

*Căn cứ khoản 1 Điều 318; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.*

+ Xử phạt bị cáo: Dương Trương N1 hình phạt cải tạo không giam giữ thời hạn 02 (Hai) năm. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Dương Trương Ninh .

*Căn cứ khoản 1 Điều 318; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 90; Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.*

+ Xử phạt bị cáo: Dương Chí D 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo: Nguyễn Minh T2 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo: Nguyễn Minh K1 05 (Năm ) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo: Trần Minh T4 05 (Năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo: Lê Thanh Q 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án.

*Căn cứ khoản 1 Điều 318; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 90; Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.*

+ Xử phạt bị cáo: Tạ Nguyễn Tinh A hình phạt cải tạo không giam giữ thời hạn 02 (Hai) năm. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện G, tỉnh Tiền Giang nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Minh K1.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý tang vật, vật chứng; án phí và quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định.

Ngày 15/12/2024, bị cáo Phan Anh K kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 12/12/2024, bị cáo Nguyễn Minh K1 và đại diện theo pháp luật của bị cáo là bà Phạm Thị Hồng N2 kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo K1.

Ngày 16/12/2024, bị cáo Đoàn Anh T kháng cáo xin được chuyển từ hình phạt tù sang hình phạt cải tạo không giam giữ.

Ngày 16/12/2024, bị cáo Nguyễn Lê Nhựt T1 kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 20/12/2024, ông Dương Chí Nghĩa L1 đại diện theo pháp luật của bị cáo Dương Chí D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và áp dụng hình phạt không phải là hình phạt tù đối với bị cáo Dương Chí D.

Ngày 25/12/2024, bị cáo Nguyễn Minh T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo hưởng hình phạt không phải là hình phạt tù.

Ngày 25/12/2024, bà Nguyễn Thị Thanh N4 là đại diện theo pháp luật của bị cáo Lê Thanh Q kháng cáo xin cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố G tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKSGC kháng nghị bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa bản án sơ thẩm như sau:

- Không chấp nhận hình phạt của bị cáo Tạ Nguyễn Tinh A do trái pháp luật; tăng hình phạt cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù đối với bị cáo Tạ Nguyễn Tinh A và Dương Trương Ninh .

- Tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Phan Anh K, Đoàn Anh T, Dương Chí D, Nguyễn Minh T2, Nguyễn Minh K1, Trần Minh T4, Nguyễn Lê Nhựt T1 và Lê Thanh Q.

- Không áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phan Anh K, Trần Minh T4, Dương Chí D, Đoàn Anh T, Nguyễn Lê Nhựt T1, Nguyễn Minh T2, Lê Thanh Q, Nguyễn Minh K1; Không áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Nhựt T1.

\* Tại phiên tòa hôm nay:

- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Viện kiểm sát rút một phần nội dung kháng nghị về việc bản án sơ thẩm: “không áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Phan Anh K, Trần Minh T4, Dương Chí D, Đoàn Anh T, Nguyễn Lê Nhựt T1, Nguyễn Minh T2, Lê Thanh Q, Nguyễn Minh K1”; bổ sung kháng nghị về việc bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là chưa đúng pháp luật.; các nội dung còn lại của kháng nghị thì giữ nguyên.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và đại diện theo pháp luật của bị cáo có kháng cáo; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố G tỉnh Tiền Giang; Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với các bị cáo như sau:

- + Xử phạt bị cáo Phan Anh K 13 tháng tù giam (tăng 01 tháng).
- + Xử phạt bị cáo Đoàn Anh T 12 tháng tù giam (tăng 03 tháng);
- + Xử phạt bị cáo Trần Minh T4 06 tháng tù giam (tăng 01 tháng).
- + Xử phạt bị cáo Dương Chí D 09 tháng tù (tăng 02 tháng).
- + Xử phạt bị cáo Dương Trương N1 08 tháng tù.
- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K1 06 tháng tù (tăng 01 tháng).
- +Xử phạt bị cáo Tạ Nguyễn Tinh A 06 tháng tù.
- + Xử phạt bị cáo Nguyễn Lê Nhựt T1 07 tháng tù (tăng 02 tháng).
- + Xử phạt bị cáo Lê Thanh Q 05 tháng tù (tăng 02 tháng).
- +Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T2 07 (bảy) tháng tù (giữ nguyên mức hình phạt).

- Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Anh T tranh luận: Bị cáo tham gia vụ án với vai trò người giúp sức, có mua pháo về cho các bị cáo khác sử dụng nhưng bị cáo không trực tiếp đốt, ném pháo nên vai trò của bị cáo chỉ là thứ yếu. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn; thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải; khi phạm tội bị cáo còn rất trẻ, suy nghĩ bông bột, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

- Người bào chữa cho bị cáo Tạ Nguyễn Tinh A tranh luận: Thống nhất một phần nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát về việc bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm cải tạo không giam giữ là trái pháp luật. Không thống nhất với kháng nghị của Viện kiểm sát về việc không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khi phạm tội là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và vẫn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh K1 tranh luận: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khi phạm tội là người chưa thành niên, suy nghĩ bông bông, bộc phát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Dương Chí D tranh luận: Bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ hoặc phân công nhiệm vụ, phạm tội do bộc phát, thiếu suy nghĩ; khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét

xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo; không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

- Đại diện theo pháp luật của các bị cáo Dương Chí D, Nguyễn Minh K1, Lê Thanh Q, Nguyễn Minh T2 không tranh luận.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Sau khi phạm tội các bị cáo cảm thấy ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố G còn trong thời hạn quy định, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút một phần và bổ sung một phần nội dung kháng nghị. Các bị cáo và người liên quan đến kháng nghị không có ý kiến về việc rút và bổ sung nội dung kháng nghị nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về nội dung kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng với nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết luận giám định số 127/KL-KTHS ngày 27/02/2024 của Phòng K4 - Công an tỉnh T và vật chứng thu giữ trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo phạm tội: “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đủ khả năng nhận thức hành vi đốt, ném pháo nơi công cộng là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, thực hiện nhiều lần ở nhiều địa điểm khác nhau thể hiện sự xem thường pháp luật. Nên cần phải xử phạt nghiêm để răn đe, phòng ngừa chung, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội: “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

Tuy nhiên việc áp dụng pháp luật có một phần chưa phù hợp và tuyên mức hình phạt đối với từng bị cáo chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, cụ thể như sau:

- Bản án sơ thẩm nhận định hành vi phạm tội của các bị cáo chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là chưa phù hợp bởi vì thiệt hại trong vụ án này là tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội bị xâm phạm, gây bức xúc, hoang mang cho nhân dân, không phải thiệt hại về vật chất,

nên không thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

- Bị cáo Tạ Nguyễn Tinh A, sinh ngày 16/7/2006, tại thời điểm phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi. Nên theo quy định tại khoản 2 Điều 100 và khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự, nếu xem xét hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo này thì thời hạn cải tạo không giam giữ không được quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định. Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Tạ Nguyễn Tinh A 02 năm cải tạo không giam giữ, là trái với quy định nêu trên.

- Các bị cáo đã tham gia cùng nhau đốt, ném pháo nổ trong 02 ngày liên tục tại 16 địa điểm công cộng khác nhau (ngày 06/01/2024: 11 địa điểm, ngày 07/01/2024: 05 địa điểm) là các nơi tụ tập đông người, các trụ sở cơ quan nhà nước; diễn ra tại 05 địa phương trên địa bàn tỉnh Tiền Giang gồm: Huyện G, huyện G, thành phố G, huyện C và thành phố M. Các bị cáo đốt, ném pháo gây ra tiếng nổ với âm thanh lớn, có độ vang, làm cho người dân tại khu vực ném pháo hoang mang, lo sợ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự công cộng tại địa phương. Riêng trên địa bàn thành phố G, Ủy ban nhân dân Phường A1, Phường B, phường L, phường L và xã T đã có văn bản phản ánh về sự ảnh hưởng do hành vi gây rối trật tự công cộng của các bị cáo gây ra, đề nghị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Nên với việc bản án tuyên bị cáo Dương Trương N1 và bị cáo Tạ Nguyễn Tinh A chịu hình phạt cải tạo không giam giữ là chưa tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, chưa thể hiện được tính răn đe, nghiêm minh của pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Đối với bị cáo Dương Trương N1 và Nguyễn Minh T2 là người thực hành trực tiếp trong việc ném pháo nổ (mỗi người ném 01 viên pháo nổ); N1 là người đã thành niên, T2 là người chưa thành niên; vai trò của N1 và T2 trong vụ án là ngang nhau, đều phạm tội 02 lần trở lên. Nhưng mức hình phạt của N1 là cải tạo không giam giữ, còn T2 phải chịu mức 07 tháng tù là chưa phù hợp.

- Tạ Nguyễn Tinh A phạm tội khi đang trong độ tuổi từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; Dương Trương N1 khi phạm tội khi đã trên 18 tuổi, lại là người trực tiếp ném pháo nổ; cả hai có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ngang nhau. Nhưng hình phạt của hai bị cáo là giống nhau với mức 02 năm cải tạo không giam giữ là chưa đúng.

- Trần Minh T4, Dương Chí D, Nguyễn Minh K1 đều phạm tội khi đang trong độ tuổi từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nhau. Nhưng hình phạt của D là 07 tháng tù, hình phạt của 02 bị cáo còn lại là 05 tháng tù cũng chưa phù hợp.

Nên việc quyết định hình phạt như trên của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa thể hiện được sự phân hóa tội phạm trong vụ án có đồng phạm.

- Về việc áp dụng pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Lê Nhựt T1 thì biên bản nghị án và bản án có sự mâu thuẫn. Theo biên bản nghị án thì có áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo nhưng trong bản án tuyên thì không có áp dụng những điều này. Xét thấy, khi thực hiện tội phạm bị cáo T1

là người đã thành niên nên bản án sơ thẩm không áp dụng Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là đúng pháp luật. Tuy nhiên, cần điều chỉnh lại biên bản nghị án cho phù hợp với phần quyết định của bản án.

- Bản án sơ thẩm tuyên: “*Xử phạt bị cáo Tạ Nguyễn Tinh A hình phạt cải tạo không giam giữ thời hạn 02 (Hai) năm...*” nhưng lại tuyên: “*Không khấu trừ thu nhập của bị cáo Nguyễn Minh K1*” là có thiếu sót.

Xét thấy, những thiếu sót nêu trên cấp phúc thẩm có thể khắc phục được nên không cần thiết phải huỷ án, tuy nhiên cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

Các bị cáo Phan Anh K, Nguyễn Minh K1, Đoàn Anh T, Nguyễn Lê Nhựt T1, Nguyễn Minh T2 và đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Minh K1, Dương Chí D, Lê Thanh Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo hoặc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ nhưng không bổ sung được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố G kháng nghị sửa một phần bản án sơ thẩm là có một phần phù hợp nên được chấp nhận một phần.

Từ những nhận định như đã nêu trên, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[6]. Xét ý kiến tranh luận của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[7]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

*Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Anh K; Đoàn Anh T; Trần Minh T4; Dương Chí D và đại diện theo pháp luật là ông Dương Chí N; Nguyễn Minh K1 và đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Hồng N2; Nguyễn Lê Nhựt T1; Nguyễn Minh T2; Lê Thanh Q và đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Thanh N4.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2024/HS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố G, tỉnh Tiền Giang.

### **Xử:**

Tuyên bố: Các bị cáo Phan Anh K, Đoàn Anh T, Trần Minh T4, Dương Chí D, Dương Trương N1, Nguyễn Minh K1, Tạ Nguyễn Tinh A, Nguyễn Lê Nhựt T1, Nguyễn Minh T2, Lê Thanh Q phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 318; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo: **Phan Anh K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo: **Đoàn Anh T 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo: **Dương Trương N1 08 (tám) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Lê Nhựt T1 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 318; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 90; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo: **Dương Chí D 09 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo **Trần Minh T4 08 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/4/2025.

+ Xử phạt bị cáo **Tạ Nguyễn Tinh A 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Minh K1 06 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T2 07 (bảy) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo **Lê Thanh Q 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2/- Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố G;
- VKSND thành phố G;
- THADS thành phố G;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lưu Thị Thu Thủy**